

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lầy

Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Đô, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 269/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích N; nơi cư trú: Tổ T 1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc D; nơi cư trú: Tổ T 1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 9 năm 2011. Sau khi kết hôn, chị và anh D về sống chung tại Tổ T 1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết

quả mà ngày càng căng thẳng hơn. Khoảng tháng 9 năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Đến nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh Vũ Ngọc D không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng và trầm trọng, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Toà án nhân dân quận K giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc D.

Về con chung: Chị và anh Vũ Ngọc D có 01 con chung là Vũ Huyền T, sinh ngày 25/10/2011, cháu hiện đang sống chung cùng với anh D. Khi ly hôn, chị đề anh D nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ của vợ chồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Phạm Thị Bích N được ly hôn với anh Vũ Ngọc D. Về con chung: Giao con chung là Vũ Huyền T cho anh Vũ Ngọc D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung do chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, buộc chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Anh Vũ Ngọc D là bị đơn, hiện cư trú tại Tổ T 1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Vũ Ngọc D không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Vũ Ngọc D. Chị Phạm Thị Bích N đã được Tòa án triệu tập lần 2 nhưng chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Bích N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích N và anh Vũ Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận K,

thành phố Hải Phòng ngày 26 tháng 9 năm 2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của chị Phạm Thị Bích N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Phạm Thị Bích N và anh Vũ Ngọc D trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm với nhau, đã ly thân từ năm 2018. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Bích N và anh Vũ Ngọc D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Bích N là phù hợp pháp luật và thực tế vụ kiện, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Bích N và anh Vũ Ngọc D có 01 con chung là Vũ Huyền T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2011. Tài liệu xác minh và lời khai của cháu Trang thể hiện: Cháu Vũ Huyền T đang sống chung cùng với anh Vũ Ngọc D, do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Vũ Huyền T cho anh Vũ Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trang. Đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bích N và anh Vũ Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Bích N ly hôn anh Vũ Ngọc D.
2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Huyền T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2011 cho anh Vũ Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Phạm Thị Bích N và anh Vũ Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Bích N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003645 ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, chị Phạm Thị Bích N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bích N và anh Vũ Ngọc D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng (ĐKKH: 26/9/2011);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông